

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ - KHỐI 6

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Vĩ sao phải học Lịch sử	- Lịch sử và cuộc sống.	1 TN								5%
		- Thời gian trong lịch sử			1 TN			1TL			15%
2	Xã hội nguyên thủy	- Nguồn gốc loài người	1 TN	1TL							15%
		- Xã hội nguyên thủy			1 TN						5%
3	Bản đồ- Phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất	- Khái niệm về hệ thống kinh vĩ tuyến, các bán cầu trên bản đồ	2 TN								10 %
		- Hệ thống kí hiệu bản đồ, bảng chú giải bản đồ				1 TL			1 TL		30 %
		- Tính khoảng cách ngoài thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ									
4	Trái Đất- Hành tinh của hệ Mặt Trời	- Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả.	2 TN								10 %
		- Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và hệ quả.	2TN								10 %
Tổng			8 TN		2 TN	1 TL		1 TL	1 TL		14
Tỉ lệ			50 %		20 %		20%		10 %		100 %

Tỉ lệ chung	40%	30%	20%	10%	100%
-------------	-----	-----	-----	-----	------

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2023 – 2024
MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ – KHỐI 6

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Vì sao phải học Lịch sử	- Lịch sử và cuộc sống. - Thời gian trong lịch sử	Nhận biết: - Được khái niệm lịch sử. Thông hiểu: - Hiểu được âm lịch là loại lịch dựa theo chu kì chuyển động của Mặt Trăng quanh Trái Đất. Vận dụng: - Tính được thời gian trong lịch sử (thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, sau Công nguyên, âm lịch, dương lịch,...).	1 TN	1TN	1 TL	
2	Xã hội nguyên thủy	- Nguồn gốc loài người. - Xã hội nguyên thủy.	Nhận biết: - Biết được thời gian Loài vượn cổ xuất hiện. Thông hiểu: - Hiểu được cách phân chia khẩu phần của những người sống trong thị tộc. Vận dụng:	1 TN	1 TN		
3	Bản đồ- Phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất	- Hệ thống kinh vĩ tuyến, toạ độ địa lí của một điểm trên bản đồ - Các yếu tố cơ bản trên bản đồ - Các loại bản đồ	Nhận biết: - Biết được thế nào là kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc (Xích đạo), các bán cầu trên bản đồ Thông hiểu: Đọc và xác định được các đối tượng địa lí trên bản đồ Vận dụng: - Ghi được toạ độ địa lí của một điểm trên bản đồ. - Tính khoảng cách ngoài thực tế giữa hai điểm trên bản đồ theo tỉ lệ	2 TN	1TL		1 TL

		- Lược đồ trí nhớ	bản đồ.				
4	Trái Đất-Hành tinh của hệ Mặt Trời	- Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời - Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả. - Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và hệ quả.	Nhận biết: - Biết được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời. - Biết được sự chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả. Thông hiểu: Vận dụng:	4 TN			
Số câu/ Loại câu				8 TN	2 TN 1 TL	1 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20%	15%	10%	5%
Tỉ lệ chung				40	30	20	10

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề này gồm có 01 trang)

Phần I. Trắc nghiệm (5.0 điểm)

Chọn câu trả lời đúng và ghi vào giấy làm bài.

Câu 1. Lịch Sử được hiểu là tất cả những gì?

- A. Đã xảy ra trong quá khứ. B. Sẽ xảy ra trong tương lai.
C. Đang diễn ra ở hiện tại. D. Đã và đang diễn ra trong đời sống.

Câu 2. Theo em, âm lịch là loại lịch dựa theo chu kì chuyển động như thế nào?

- A. Mặt Trời quanh Trái Đất. B. Trái Đất quanh Mặt Trời.
C. Mặt Trăng quanh Trái Đất. D. Mặt Trăng quanh Mặt Trời.

Câu 3. Loài vượn cổ xuất hiện cách ngày nay khoảng bao lâu?

- A. 4 triệu năm. B. 5 – 6 triệu năm.
C. 15 vạn năm. D. 4 vạn năm.

Câu 4. Những người sống trong thị tộc được phân chia khẩu phần cù thể như thế nào?

- A. Chia theo địa vị. B. Chia theo tuổi tác.
C. Chia theo năng suất lao động. D. Chia đều.

Câu 5. Các đường nối liền hai điểm cực Bắc và cực Nam trên bề mặt quả Địa Cầu là những đường

- A. kinh tuyến. B. kinh tuyến gốc. C. vĩ tuyến. D. vĩ tuyến gốc.

Câu 6. Từ xích đạo lên cực Bắc là nửa cầu

- A. Nam. B. Bắc. C. Đông. D. Tây.

Câu 7. Thời gian Trái Đất tự quay quanh trục 1 vòng hết

- A. 24 giờ. B. 25 giờ. C. 26 giờ. D. 27 giờ.

Câu 8. Vào ngày nào ở Bán cầu Bắc là mùa nóng?

- A. 21/3. B. 22/6. C. 23/9. D. 22/12.

Câu 9. Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời theo hướng

- A. Từ Nam lên Bắc. B. Từ Bắc xuống Nam
C. Từ Tây sang Đông. D. Từ Đông sang Tây

Câu 10. Câu trả lời nào sau đây **không** thuộc hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất?

- A. Ngày đêm luân phiên. B. Giờ trên Trái Đất.
C. Sự chuyển động lệch hướng của vật thể. D. Núi lửa phun trào.

B. Phần II. Tự luận (5.0 điểm)

Câu 1. (1.0 điểm) Em hãy giới thiệu sơ lược quá trình tiến hoá từ vượn người thành người trên Trái Đất?

Câu 2. (1.0 điểm) Một hiện vật bị chôn vùi năm 1000 TCN. Đến năm 2023 hiện vật đó được đào lên. Hỏi nó đã nằm dưới đất bao nhiêu năm?

Câu 3. (2.0 điểm) Kí hiệu bản đồ là gì? Tại sao khi sử dụng bản đồ phải đọc chú giải? Hãy cho biết các đối tượng địa lí sau đây thuộc loại kí hiệu nào: Sân bay, biên giới quốc gia, đất phù sa sông.

Câu 4. (1.0 điểm) Dựa vào số ghi tỉ lệ của các bản đồ 1: 4.000.000, cho biết 5 cm trên bản đồ ứng với bao nhiêu km trên thực địa. Hãy nêu cách tính?

-Hết

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề này gồm có 01 trang)

Phần I. Trắc nghiệm (5 điểm)

Chọn câu trả lời đúng và ghi vào giấy làm bài

Câu 1. Các yếu tố cơ bản của sự kiện lịch sử là

- A. thời gian, không gian và con người liên quan đến sự kiện.
- B. thời gian và các nhân vật.
- C. con người và sự kiện liên quan.
- D. không gian và các yếu tố con người.

Câu 2. Theo em, âm lịch là loại lịch dựa theo chu kì chuyển động như thế nào?

- A. Mặt Trời quanh Trái Đất.
- B. Trái Đất quanh Mặt Trời.
- C. Mặt Trăng quanh Mặt Trời.
- D. Mặt Trăng quanh Trái Đất.

Câu 3. Loài vượn cổ xuất hiện cách ngày nay khoảng

- A. 4 triệu năm.
- B. 15 vạn năm.
- C. 5 – 6 triệu năm.
- D. 4 vạn năm.

Câu 4. Công việc thường xuyên và hàng đầu của thị tộc cụ thể là gì?

- A. Sáng tạo ra công cụ lao động để nâng cao năng suất lao động.
- B. Tìm kiếm thức ăn để nuôi sống thị tộc.
- C. Di chuyển chỗ ở đến những địa điểm có sẵn nguồn thức ăn và nguồn nước.
- D. Đương đầu với thiên nhiên và sự tấn công của các thị tộc khác để sinh tồn.

Câu 5. Những vòng tròn trên quả Địa Cầu vuông góc với các kinh tuyến là những đường

- A. kinh tuyến.
- B. kinh tuyến gốc.
- C. vĩ tuyến gốc.
- D. vĩ tuyến.

Câu 6. Từ xích đạo xuống cực Nam là nửa cầu

- A. Đông.
- B. Tây.
- C. Nam.
- D. Bắc.

Câu 7. Câu trả lời nào sau đây **không** thuộc hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất

- A. Ngày đêm luân phiên.
- B. Giờ trên Trái Đất.
- C. Sự chuyển động lệch hướng của vật thể.
- D. Động đất.

Câu 8. Thời gian Trái Đất quay quanh Mặt Trời 1 vòng là

- A. 365 ngày 4 giờ.
- B. 365 ngày 5 giờ.
- C. 365 ngày 6 giờ.
- D. 365 ngày 7 giờ.

Câu 9. Vào ngày nào ở Bán cầu Bắc là mùa lạnh?

- A. 22/6.
- B. 22/12.
- C. 21/3.
- D. 23/9.

Câu 10. Vào mùa nào thời gian ban ngày dài hơn thời gian ban đêm?

- A. Mùa hạ.
- B. Mùa thu.
- C. Mùa đông.
- D. Mùa xuân.

B. Phần II. Tự luận (5.0 điểm)

Câu 1. (1.0 điểm) Em hãy giới thiệu sơ lược quá trình tiến hoá từ vượn người thành người trên Trái Đất?

Câu 2. (1.0 điểm) Một hiện vật bị chôn vùi năm 1000 TCN. Đến năm 2024 hiện vật đó được đào lên. Hỏi nó đã nằm dưới đất bao nhiêu năm?

Câu 3. (2.0 điểm) Kí hiệu bản đồ là gì? Tại sao khi sử dụng bản đồ phải đọc chú giải? Hãy cho biết các đối tượng địa lí sau đây thuộc loại kí hiệu nào: Sân bay, biên giới quốc gia, đất phù sa sông.

Câu 4. (1.0 điểm) Dựa vào số ghi tỉ lệ của các bản đồ 1: 6.000.000, cho biết 5 cm trên bản đồ ứng với bao nhiêu km trên thực địa. Hãy nêu cách tính?

HƯỚNG DẪN CHẤM MÃ ĐỀ 1

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5.0 điểm)

Chọn đáp án đúng. Mỗi câu trả lời đúng ghi 0.5 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	C	B	D	A	B	A	B	C	D

B. PHẦN TỰ LUẬN (5.0 điểm).

CÂU	ĐÁP ÁN	ĐIỂM
Câu 1	- Cách ngày nay khoảng 5-6 triệu năm xuất hiện loài vượn cổ có thể đứng và đi bằng hai chân, dùng tay để cầm nắm, ăn hoa quả, củ, lá và cả động vật nhỏ....	0.5
	- Trên đà tiến triển, vượn cổ chuyển biến thành Người tối cổ, bắt đầu từ khoảng 4 triệu năm trước đây.	0.25
	- Cách ngày nay khoảng 150.000 năm trước đây, Người tối cổ đã tiến hóa thành người tinh khôn (người hiện đại).	0.25
Câu 2	- Hiện vật đó đã nằm dưới đất là: $1000 \text{ TCN} + 2023 = 3023 \text{ năm}$. Hiện vật đó đã nằm dưới đất: 3023 năm.	1.0
Câu 3	- Để thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ, người ta sử dụng các dấu hiệu quy ước gọi là kí hiệu bản đồ.	0.5
	- Sân bay: kí hiệu điểm, biên giới quốc gia: kí hiệu đường và đất phù sa sông: kí hiệu diện tích.	0.5
	- Khi sử dụng bản đồ phải đọc chú giải, vì: Trên bản đồ, các kí hiệu được giải thích trong bảng chú giải. Qua bảng chú giải ta có thể biết được các đối tượng địa lí thể hiện trên bản đồ.	1.0
Câu 4	- Khoảng cách trên thực địa là:	0.5
	$4\,000\,000 \times 5 = 20\,000\,000 \text{ (cm)}$ $20\,000\,000 \text{ (cm)} = 200 \text{ km}$	0.5

HƯỚNG DẪN CHẤM MÃ ĐỀ 2

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5.0 điểm)

Chọn đáp án đúng. Mỗi câu trả lời đúng ghi 0.5 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	D	C	B	D	C	D	C	B	A

B. PHẦN TỰ LUẬN (5.0 điểm).

CÂU	ĐÁP ÁN	ĐIỂM
Câu 1	- Cách ngày nay khoảng 5-6 triệu năm xuất hiện loài vượn cổ có thể đứng và đi bằng hai chân, dùng tay để cầm nắm, ăn hoa quả, củ, lá và cả động vật nhỏ....	0.5
	- Trên đà tiến triển, vượn cổ chuyển biến thành Người tối cổ, bắt đầu từ khoảng 4 triệu năm trước đây.	0.25
	- Cách ngày nay khoảng 150.000 năm trước đây, Người tối cổ đã tiến hóa thành người tinh khôn (người hiện đại).	0.25
Câu 2	- Hiện vật đó đã nằm dưới đất là: $1000 \text{ TCN} + 2024 = 3024 \text{ năm}$. Hiện vật đó đã nằm dưới đất: 3024 năm.	1.0
Câu 3	- Để thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ, người ta sử dụng các dấu hiệu quy ước gọi là kí hiệu bản đồ.	0.5
	- Sân bay: kí hiệu điểm, biên giới quốc gia: kí hiệu đường và đất phù sa sông: kí hiệu diện tích.	0.5
	- Khi sử dụng bản đồ phải đọc chú giải, vì: Trên bản đồ, các kí hiệu được giải thích trong bảng chú giải. Qua bảng chú giải ta có thể biết được các đối tượng địa lí thể hiện trên bản đồ.	1.0
Câu 4	- Khoảng cách trên thực địa là:	0.5
	$6\,000\,000 \times 5 = 30\,000\,000 \text{ (cm)}$ $30\,000\,000 \text{ (cm)} = 300 \text{ km}$	0.5